

Số: /2021/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

THÔNG TƯ

Quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán trái phiếu doanh nghiệp

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán trái phiếu doanh nghiệp trong lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Thông tư này không quy định việc mua, bán trái phiếu do tổ chức tín dụng phát hành; mua, bán trái phiếu do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành; mua có kỳ hạn hoặc mua có bảo lưu quyền truy đòi trái phiếu doanh nghiệp dưới hình thức chiết khấu; mua, bán có kỳ hạn trái phiếu doanh nghiệp giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phát hành trên thị trường quốc tế; mua, bán trái phiếu doanh nghiệp dưới hình thức tái chiết khấu.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là tổ chức tín dụng) được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.

b) Doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

c) Cá nhân, tổ chức khác có liên quan đến hoạt động mua, bán trái phiếu doanh nghiệp quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Trái phiếu doanh nghiệp là loại chứng khoán có kỳ hạn từ 01 năm trở lên do doanh nghiệp phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần nợ của doanh nghiệp phát hành.

2. Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu do công ty cổ phần phát hành, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của chính doanh nghiệp phát hành theo điều kiện, điều khoản đã được xác định tại phương án phát hành trái phiếu.

3. Trái phiếu có bảo đảm là loại trái phiếu được bảo đảm thanh toán toàn bộ hoặc một phần lãi, gốc khi đến hạn bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm; hoặc được bảo lãnh thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Trái phiếu kèm chứng quyền là loại trái phiếu được công ty cổ phần phát hành kèm theo chứng quyền, cho phép người sở hữu chứng quyền được quyền mua một số cổ phiếu phổ thông của doanh nghiệp phát hành theo điều kiện, điều khoản đã được xác định tại phương án phát hành trái phiếu.

5. Trái phiếu doanh nghiệp xanh là trái phiếu doanh nghiệp được phát hành để đầu tư cho dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, dự án mang lại lợi ích về môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

Điều 3. Nguyên tắc mua, bán trái phiếu doanh nghiệp

1. Tổ chức tín dụng mua, bán trái phiếu doanh nghiệp theo Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp; các ngân hàng chính sách được mua, bán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ.

2. Việc mua, bán trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp, Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức tín dụng mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phải có hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, xếp hạng tín nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu và phải ban hành quy định nội bộ về mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phù hợp với quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật liên quan.

4. Tổ chức tín dụng mua trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền phải tuân thủ các quy định của Luật các tổ chức tín dụng, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định của pháp luật liên quan về góp vốn, mua cổ phần.

5. Tổ chức tín dụng không được vay vốn của tổ chức tín dụng khác để mua trái phiếu doanh nghiệp.

6. Tổ chức tín dụng chỉ được mua trái phiếu doanh nghiệp khi có tỷ lệ nợ xấu dưới 3% theo kỳ phân loại gần nhất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động đối với tổ chức tín dụng, trừ trường hợp mua trái phiếu doanh nghiệp theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

7. Tổ chức tín dụng chỉ được mua trái phiếu doanh nghiệp khi:

a) Trái phiếu doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 4 Thông tư này.

b) Mục đích sử dụng tiền thu từ đợt phát hành, đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp hợp pháp và phù hợp với phương án phát hành trái phiếu và/hoặc phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành được phê duyệt theo quy định của pháp luật.

c) Doanh nghiệp phát hành cam kết không thay đổi mục đích sử dụng vốn trong thời gian tổ chức tín dụng nắm giữ trái phiếu.

d) Phương án phát hành, phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khả thi theo đánh giá của tổ chức tín dụng.

đ) Doanh nghiệp phát hành trái phiếu có khả năng tài chính để đảm bảo thanh toán đủ gốc và lãi trái phiếu đúng hạn.

e) Doanh nghiệp phát hành trái phiếu cam kết mua lại trái phiếu trước hạn thanh toán trong trường hợp doanh nghiệp phát hành vi phạm quy định pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, vi phạm phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp, vi phạm cam kết giữa doanh nghiệp phát hành và tổ chức tín dụng.

g) Trái phiếu doanh nghiệp mà doanh nghiệp phát hành đã thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành đối với số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành, ngoài các quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản này, thì tổ chức tín dụng chỉ được mua trái phiếu này khi doanh nghiệp phát hành trái phiếu hoạt động sản xuất, kinh doanh có lãi liên tục 3 năm gần nhất và doanh nghiệp phát hành được xếp hạng ở mức cao nhất theo quy định xếp hạng tín dụng nội bộ, xếp hạng tín nhiệm của tổ chức tín dụng.

8. Tổ chức tín dụng không được mua trái phiếu (bao gồm mua từ phát hành lần đầu và mua lại từ các tổ chức, cá nhân khác) của doanh nghiệp phát hành có phát sinh nợ xấu tại tổ chức tín dụng mua và/hoặc tại tổ chức tín dụng khác trong vòng 12 tháng gần nhất tính đến thời điểm quyết định phê duyệt mua.

9. Tổ chức tín dụng không được mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong đó có mục đích để cơ cấu lại các khoản nợ của chính doanh nghiệp phát hành.

10. Tổ chức tín dụng không được mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong đó có mục đích để góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác.

11. Tổ chức tín dụng không được mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong đó có mục đích để tăng quy mô vốn hoạt động.

12. Tổ chức tín dụng không được bán trái phiếu doanh nghiệp cho công ty con của chính tổ chức tín dụng đó, trừ trường hợp bán trái phiếu doanh nghiệp cho công ty con theo phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

13. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được mua trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền.

14. Trừ trường hợp bán có kỳ hạn và bán trái phiếu doanh nghiệp theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật, trong vòng 12 tháng sau khi bán trái phiếu doanh nghiệp thì tổ chức tín dụng không được mua trái phiếu doanh nghiệp mà tổ chức tín dụng đã bán và/hoặc trái phiếu doanh nghiệp được phát hành cùng lô/cùng đợt phát hành với trái phiếu doanh nghiệp mà tổ chức tín dụng đã bán. Sau 12 tháng kể từ khi bán trái phiếu doanh nghiệp, tổ chức tín dụng chỉ được mua trái phiếu doanh nghiệp đã bán và/hoặc trái phiếu doanh nghiệp được phát hành cùng lô/cùng đợt phát hành với trái phiếu doanh nghiệp mà tổ chức tín dụng đã bán khi:

a) Bên mua trái phiếu doanh nghiệp này từ tổ chức tín dụng phải thanh toán toàn bộ số tiền mua trái phiếu doanh nghiệp tại thời điểm ký kết hợp đồng mua, bán trái phiếu doanh nghiệp.

b) Doanh nghiệp phát hành trái phiếu hoạt động sản xuất, kinh doanh có lãi liên tục 3 năm gần nhất và được xếp hạng ở mức cao nhất theo quy định xếp hạng tín dụng nội bộ, xếp hạng tín nhiệm của tổ chức tín dụng.

Điều 4. Trái phiếu doanh nghiệp được thực hiện giao dịch mua, bán

Trái phiếu doanh nghiệp được thực hiện giao dịch mua, bán phải đáp ứng đủ các tiêu chí:

1. Là trái phiếu doanh nghiệp được phát hành theo đúng quy định của pháp luật.

2. Được phát hành bằng đồng Việt Nam.

3. Thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên bán, không có tranh chấp, không trong tình trạng đang bị cầm cố, thế chấp, bảo đảm cho nghĩa vụ khác; không nằm trong tình trạng đang mua bán có kỳ hạn, chiết khấu, tái chiết khấu; chưa đến ngày đáo hạn; được phép giao dịch theo quy định của pháp luật hiện hành (trừ trường hợp tổ chức tín dụng mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành để bán lần đầu).

Điều 5. Quy định nội bộ

1. Căn cứ quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan, tổ chức tín dụng ban hành và định kỳ hàng năm đánh giá quy định nội bộ về mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng (sau đây gọi là quy định nội bộ về mua, bán trái phiếu doanh nghiệp).

2. Quy định nội bộ về mua, bán trái phiếu doanh nghiệp được thực hiện trong toàn hệ thống của tổ chức tín dụng và phải có tối thiểu các nội dung cụ thể sau:

a) Nguyên tắc, quy trình, thủ tục thẩm định, thẩm quyền phê duyệt, quyết định mua trái phiếu doanh nghiệp; nguyên tắc phân cấp, ủy quyền việc phê duyệt, quyết định mua trái phiếu doanh nghiệp; quy định về việc quản lý rủi ro trong hoạt động mua trái phiếu doanh nghiệp, đảm bảo công khai, minh bạch, độc lập giữa khâu thẩm định và phê duyệt, quyết định mua trái phiếu doanh nghiệp; bộ phận thẩm định độc lập với các bộ phận có chức năng quan hệ khách hàng, thẩm định lại (nếu có), phê duyệt quyết định mua trái phiếu doanh nghiệp, kiểm soát hạn mức rủi ro tín dụng, quản lý khoản mua trái phiếu doanh nghiệp có vấn đề, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng.

b) Nguyên tắc, quy trình, thủ tục thẩm định, thẩm quyền phê duyệt, quyết định bán trái phiếu doanh nghiệp; nguyên tắc phân cấp, ủy quyền việc phê duyệt, quyết định bán trái phiếu doanh nghiệp; đảm bảo công khai, minh bạch trong việc phê duyệt, quyết định bán trái phiếu doanh nghiệp.

c) Quy trình theo dõi, giám sát tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh, mục đích sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành, đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp phát hành nhằm bảo đảm việc sử dụng tiền thu từ đợt phát hành, đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp đúng mục đích trong nội dung phương án phát hành trái phiếu và/hoặc phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành được phê duyệt theo quy định của pháp luật, bảo đảm tuân thủ cam kết giữa doanh nghiệp phát hành và tổ chức tín dụng và bảo đảm khả năng trả nợ gốc, lãi của doanh nghiệp phát hành.

d) Nguyên tắc, chỉ tiêu đánh giá, xác định mức độ rủi ro mua trái phiếu doanh nghiệp đối với các đối tượng doanh nghiệp, các loại trái phiếu doanh nghiệp.

đ) Các chính sách và giới hạn quản lý rủi ro tín dụng trong hoạt động mua, bán trái phiếu doanh nghiệp, hệ thống đo lường và quản trị rủi ro, điều kiện, biện pháp và quy trình xử lý rủi ro.

e) Quy định kiểm soát nội bộ hoạt động mua, bán trái phiếu doanh nghiệp, đặc biệt là trái phiếu doanh nghiệp phát hành với mục đích thực hiện các chương trình, dự án thuộc các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro theo đánh giá của tổ chức tín dụng nhằm phát hiện rủi ro, vi phạm pháp luật và đảm bảo khả năng thu hồi tiền gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp.

g) Quy định cụ thể về các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro và chính sách tín dụng, đầu tư vào các lĩnh vực này.

h) Quy định định kỳ đánh giá tài sản bảo đảm, bảo lãnh của bên thứ ba của trái phiếu doanh nghiệp (nếu có).

3. Căn cứ quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan, trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tổ chức tín dụng ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ về mua, bán trái phiếu doanh nghiệp, tổ chức tín dụng phải gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng).

Điều 6. Đồng tiền mua, bán trái phiếu doanh nghiệp

Đồng tiền thực hiện trong giao dịch mua, bán trái phiếu doanh nghiệp là đồng Việt Nam.

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng khi thực hiện mua trái phiếu doanh nghiệp

1. Thẩm định, kiểm tra phương án và các điều kiện phát hành trái phiếu doanh nghiệp, mục đích sử dụng vốn để xem xét quyết định việc mua trái phiếu doanh nghiệp. Tổ chức tín dụng tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định mua trái phiếu doanh nghiệp của mình.

2. Thực hiện việc ký kết hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và các quy định sau đây:

Hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp tối thiểu phải có các nội dung sau: Tên trái phiếu, mục đích phát hành trái phiếu, phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trái phiếu của doanh nghiệp phát hành, mục đích nắm giữ trái phiếu, số lượng, mệnh giá trái phiếu mua, giá mua trái phiếu, tổng số tiền mua trái phiếu, lãi suất trái phiếu; phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu; thời hạn và phương thức thanh toán trái phiếu; biện pháp bảo đảm (nếu có); cam kết của doanh nghiệp phát hành không thay đổi mục đích sử dụng vốn trong thời gian tổ chức tín dụng nắm giữ trái phiếu; cam kết của doanh nghiệp phát hành trái phiếu mua lại trái phiếu trước hạn thanh toán trong trường hợp doanh nghiệp phát hành vi phạm quy định pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, vi phạm phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp, vi phạm cam kết giữa doanh nghiệp phát hành và tổ chức tín dụng; xử lý các vi phạm hợp đồng mua trái phiếu của các bên trong hợp đồng; xử lý tranh chấp phát sinh; các nội dung khác do các bên trong hợp đồng thỏa thuận phù hợp với quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Thực hiện ký kết hợp đồng bảo đảm đối với trường hợp mua trái phiếu có bảo đảm (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

4. Thực hiện việc mua trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết theo quy định tại Thông tư này, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Thực hiện theo dõi, giám sát hoặc thông qua bên thứ ba có chức năng liên quan trong giao dịch để theo dõi, giám sát việc sử dụng tiền thu từ phát hành trái

phiếu của doanh nghiệp; trường hợp phát hiện doanh nghiệp phát hành trái phiếu sử dụng tiền thu từ đợt phát hành, đợt chào bán trái phiếu không đúng mục đích theo nội dung phương án phát hành trái phiếu và/hoặc phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành được phê duyệt theo quy định của pháp luật, cam kết với chủ sở hữu trái phiếu, thì tổ chức tín dụng yêu cầu doanh nghiệp phát hành trái phiếu mua lại trái phiếu trước hạn thanh toán.

6. Yêu cầu doanh nghiệp phát hành trái phiếu thanh toán nợ gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn. Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu không có khả năng thanh toán nợ gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn hoặc khi doanh nghiệp phát hành trái phiếu không thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn do doanh nghiệp phát hành vi phạm quy định pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, vi phạm phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp, vi phạm cam kết giữa doanh nghiệp phát hành và tổ chức tín dụng, sử dụng tiền thu từ phát hành trái phiếu không đúng mục đích trong nội dung phương án phát hành trái phiếu và/hoặc phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành được phê duyệt theo quy định của pháp luật và cam kết với chủ sở hữu trái phiếu theo yêu cầu của tổ chức tín dụng, thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ gốc, lãi trái phiếu; trong đó có biện pháp xử lý tài sản bảo đảm đối với trái phiếu có bảo đảm bằng tài sản theo quy định của pháp luật, yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán trái phiếu thực hiện nghĩa vụ thanh toán trái phiếu đối với trái phiếu được bảo lãnh thanh toán, khởi kiện doanh nghiệp phát hành hoặc bên bảo lãnh thanh toán trái phiếu vi phạm các cam kết về thanh toán trái phiếu và các biện pháp khác phù hợp với quy định pháp luật.

7. Trong thời gian nắm giữ đến ngày đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp, tối thiểu định kỳ 06 tháng/lần, tổ chức tín dụng đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phát hành, đánh giá tình hình tài chính, khả năng thanh toán gốc, lãi trái phiếu của doanh nghiệp phát hành.

8. Thực hiện theo dõi, báo cáo riêng đối với việc mua trái phiếu doanh nghiệp xanh.

9. Xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình mua trái phiếu doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật liên quan nhằm đảm bảo khả năng thu hồi tiền gốc và lãi trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng khi thực hiện bán trái phiếu doanh nghiệp

1. Thực hiện việc ký kết hợp đồng bán trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình bán trái phiếu doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Hợp đồng bán trái phiếu doanh nghiệp tối thiểu phải có các nội dung sau: Tên trái phiếu, số lượng, mệnh giá trái phiếu bán, giá bán trái phiếu, lãi suất trái phiếu, tổng số tiền bán trái phiếu, phương thức thanh toán số tiền bán trái phiếu; hình thức bảo đảm và giá trị tài sản bảo đảm (nếu có); xử lý các vi phạm hợp đồng bán trái phiếu của các bên trong hợp đồng; xử lý tranh chấp phát sinh. Các nội dung khác do các bên trong hợp

đồng thỏa thuận phù hợp với quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện việc bán trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết theo quy định tại Thông tư này, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định bán trái phiếu doanh nghiệp của mình.

4. Thực hiện bán trái phiếu doanh nghiệp với tổ chức tín dụng khác, tổ chức và cá nhân theo thỏa thuận phù hợp với quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

5. Có trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình tài chính của doanh nghiệp phát hành, các điều kiện, điều khoản của trái phiếu và các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với chủ sở hữu trái phiếu, đảm bảo minh bạch thông tin cho bên mua (tổ chức tín dụng khác, tổ chức và cá nhân) khi bên mua quyết định mua trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 9. Giới hạn mua trái phiếu doanh nghiệp

1. Tổng số dư mua trái phiếu doanh nghiệp được tính vào tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng, đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó phát hành theo quy định tại Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng quy định cụ thể các giới hạn mua trái phiếu doanh nghiệp: Mua trái phiếu của một doanh nghiệp phát hành; mua trái phiếu của doanh nghiệp phát hành và doanh nghiệp liên quan phát hành; mua trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm, không có bảo đảm; mua trái phiếu doanh nghiệp với mục đích sẵn sàng để bán, kinh doanh và giữ đến ngày đáo hạn.

Điều 10. Hệ số rủi ro, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro đối với số dư mua trái phiếu doanh nghiệp

1. Hệ số rủi ro đối với số dư mua trái phiếu doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng thực hiện trích lập dự phòng và xử lý rủi ro đối với số dư mua trái phiếu doanh nghiệp như sau:

a) Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom), tổ chức tín dụng thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư trái phiếu và xử lý khoản dự phòng theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ trích lập, sử dụng các khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính.

b) Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại

chúng chưa niêm yết (UPCom), tổ chức tín dụng thực hiện việc trích lập dự phòng rủi ro đối với số dư mua trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

Điều 11. Hạch toán kế toán, thống kê và lưu giữ hồ sơ mua, bán trái phiếu doanh nghiệp

1. Hạch toán kế toán mua, bán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về chế độ kế toán.

2. Thực hiện báo cáo thống kê đối với hoạt động mua, bán trái phiếu doanh nghiệp, trong đó có trái phiếu doanh nghiệp xanh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về chế độ báo cáo thống kê của tổ chức tín dụng.

3. Lưu giữ hồ sơ mua, bán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về lưu giữ hồ sơ tín dụng.

Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hợp đồng mua, bán trái phiếu doanh nghiệp được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng và khách hàng tiếp tục thực hiện các nội dung trong hợp đồng mua, bán trái phiếu doanh nghiệp đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm ký kết hợp đồng đó hoặc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phù hợp với quy định tại Thông tư này.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2021 và thay thế Thông tư số 22/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp và Thông tư số 15/2018/TT-NHNN ngày 18/6/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 14. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này. /*av*

THÔNG ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 14;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, Vụ CSTT, PC.